

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

*Hưng Yên, ngày 11 tháng 02 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1990.  
Số CCCD: 033190007898; Ngày cấp: 10/4/2021; Nơi cấp: Cục C về TTXH.  
HKTT/địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên.
- Bị đơn: Anh **Lê Duy T**, sinh năm 1986.  
Số CCCD: 033086008076; Ngày cấp: 08/4/2021; Nơi cấp: Cục C về TTXH.  
HKTT/địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của chị H, anh T):
  - Cháu Lê Quốc T1, sinh ngày 05/07/2012.
  - Cháu Lê Thị Thanh H1, sinh ngày 22/01/2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Quốc T1 và cháu Lê Thị Thanh H1 là anh Lê Duy T (bố đẻ các cháu).

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 03/02/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Lê Duy T.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Thu H và anh Lê Duy T đều thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Chị H và anh T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Lê Quốc T1, sinh ngày 05/07/2012 và cháu Lê Thị Thanh H1, sinh ngày 22/01/2014. Ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận thống nhất: Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Quốc T1 và cháu Lê Thị Thanh H1 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**Về tài sản chung, nợ chung và đất ruộng nông nghiệp, công sức:** Chị H và anh T cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Hai bên thỏa thuận thống nhất để chị H chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000179 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí, trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
(nay là: UBND xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên) - (ĐKKH số 88 ngày 15/03/2011);
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

**Trần Hoàng Lâm**